

Số: 88/2022/QĐST-HNGĐ

Cầu Ngang, ngày 09 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 144/2022/TLST/HNGĐ, ngày 11 tháng 02 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1995; Địa chỉ: 91/1 ấp AH, xã AQ, huyện TP, tỉnh BT.

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1988; Địa chỉ: khóm IV, thị trấn ML, huyện Ncn, tỉnh TV.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 3 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị Đ và anh Trần Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về hôn nhân:** Chị Lê Thị Đ và anh Trần Văn T tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau.

- **Về nuôi con tên:** Trần TN, sinh ngày 04/4/2016. Chị Đ và anh T thoả thuận quyền nuôi con như sau:

Chị Lê Thị Đ được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần TN, sinh ngày 04/4/2016.

Anh Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục con.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Tòa án đã giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân gia đình nhưng chị Đ và anh T không khởi kiện, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- **Về tài sản chung:** Tòa án đã giải thích Điều 59 của Luật hôn nhân gia đình nhưng chị Đ và anh T không khởi kiện, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- **Về số nợ phải thu, phải trả:** Tại phiên hòa giải chị Đ và anh T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- **Về án phí:** Chị Lê Thị Đ tự nguyện nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị Đ nộp theo biên lai thu tiền số 0008032, ngày 11 tháng 02 năm 2022 do Chi Cục Thi hành án dân sự huyện CN thu. Hoàn trả cho chị Lê Thị Đ 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- Viện kiểm sát huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn ML, huyện CN, tỉnh TVh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Tranh**